

VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT Ở TRUNG QUỐC TRƯỚC NĂM 1978

PHẠM BÍCH NGỌC

Viện Kinh tế Việt Nam

Rất nhiều người biết đến công cuộc cải cách ruộng đất Trung Quốc chỉ từ năm 1949 trở lại đây mà không biết rằng, cuộc cải cách ruộng đất lần thứ nhất (1950) đã được xây dựng trên tiền đề cuộc cách mạng ruộng đất ngay từ khi Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập ở các căn cứ địa cách mạng. Chính cuộc cách mạng ruộng đất này đã góp phần quan trọng trong việc phát triển sức sản xuất, cải thiện cuộc sống của người dân và đặc biệt là tác dụng khích lệ tích cực nông dân tham gia cách mạng trong căn cứ địa, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc chiến tranh giải phóng toàn dân tộc Trung Hoa. Bài viết phân tích những điểm mạnh yếu, những cái được và chưa được trong cuộc cách mạng ruộng đất Trung Quốc và 2 cuộc cải cách ruộng đất tiếp sau đó.

1. Cuộc cách mạng ruộng đất Trung Quốc (từ tháng 7-1927 đến tháng 7-1937)

Trong thời gian này, Trung Quốc chưa tiến hành giải phóng hoàn toàn dân tộc. Nhưng những chính sách về đất

đai thời kỳ chiến tranh chống Nhật đã không còn thỏa mãn được nhu cầu của người nông dân nên cuộc cách mạng ruộng đất thời kỳ này đã diễn ra ở *căn cứ địa cách mạng* nhằm giải quyết mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội. Cuộc cách mạng ruộng đất của Trung Quốc thời kỳ này chính là cuộc cách mạng của ĐCS Trung Quốc nhằm chuyển đất từ tay giai cấp địa chủ phong kiến sang tay người nông dân trong căn cứ địa cách mạng “*xóa bỏ chế độ đất đai phong kiến và bán phong kiến, thực hiện chế độ đất đai dân cày có ruộng*”⁽¹⁾. Mục đích của cuộc cách mạng này là xóa bỏ chế độ phong kiến bóc lột, đáp ứng nhu cầu đất đai của người nông dân, khích lệ tính tích cực của nông dân tham gia cách mạng trong căn cứ địa, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc chiến tranh giải phóng toàn dân tộc Trung Hoa. Cuộc cách mạng ruộng đất này có thể nhìn thấy rõ ở 3 giai đoạn chính sách: Giai đoạn chính sách thu hồi toàn bộ ruộng đất để quốc hữu, giai đoạn chính sách thu hồi toàn bộ ruộng đất của địa chủ để quốc hữu; giai đoạn chính sách thu hồi toàn bộ ruộng đất địa chủ để giao cho nông dân.

1.1. Giai đoạn chính sách tịch thu toàn bộ ruộng đất để quốc hữu

Vào trung tuần tháng 11-1927, Bộ Chính trị Trung ương ĐCS Trung Quốc lâm thời tổ chức họp hội nghị mở rộng. Hội nghị này đã chỉ rõ lập trường tư tưởng và chủ trương rõ ràng về nhiều vấn đề trong đó đặc biệt chú trọng đến cuộc cách mạng ruộng đất. Hội nghị lần đầu tiên, kể từ khi ĐCS Trung Quốc thành lập, đưa ra dự thảo về luật đất đai. “*Dự thảo đất đai của ĐCS Trung Quốc*” này đã có tác dụng tích cực trong việc mở rộng đấu tranh cách mạng về đất đai ở mọi nơi. Nhưng mặt khác lại phạm không ít sai lầm⁽²⁾. Dự thảo đưa ra việc tịch thu toàn bộ đất đai. Điểm này hoàn toàn khác với chủ trương ban đầu là “*quốc hữu hóa đất đai*”. “*Tịch thu toàn bộ đất đai của địa chủ mà không phải trả một đồng nào, toàn bộ đất đai tư hữu hoàn toàn thuộc về sở hữu người dân lao động của chính quyền Xô viết*”⁽³⁾, “*nông dân hoàn toàn có quyền sử dụng toàn bộ đất đai đã bị tịch thu*”. Điều này có nghĩa là ngoài việc tịch thu đất đai của địa chủ, còn tịch thu toàn bộ đất đai tư hữu khác.

Tháng 3-1928, ĐCS Trung Quốc ban hành “*Thông báo số 37 của ĐCS Trung Quốc về việc tịch thu ruộng đất và xây dựng chính quyền Xô viết*”. Thông báo quy định “*tịch thu toàn bộ đất đai của địa chủ, toàn bộ đất đai thuộc quyền sở hữu của chính quyền Xô viết, do chính quyền Xô viết quyết định. Cứ là đất có thể cày cấy, trồng trọt đều được xếp vào*

“*đất đai*”; “*sau khi toàn bộ đất đai đã sung công sẽ tiến hành phân chia ruộng đất trông trọt cho nông dân. Chính quyền Xô viết ở các huyện sẽ tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Nếu chính quyền Xô viết ở huyện nào mà chưa thành lập thì sẽ do Chính quyền Xô viết cao nhất vùng đó cấp). Xóa bỏ tất cả các kế ước lập khi mua bán đất thời kỳ cũ, cấm không được mua bán đất đai*”⁽⁴⁾.

Dựa vào chính sách đất đai ở trên, chính quyền công nông ở căn cứ địa cách mạng đã ban hành một loạt những nghị quyết liên quan đến vấn đề đất đai và các quy định luật về đất đai. Trong đó có “*Luật đất đai*” là bộ luật đầu tiên về đất đai của Trung Quốc ra đời ở căn cứ địa cách mạng. Trong “*Luật đất đai*” quy định: *Thứ nhất*, “*toàn bộ đất đai bị tịch thu thuộc quyền sở hữu của chính quyền Xô viết*” và được “*phân phối cho nông dân canh tác*”. “*Trong trường hợp đặc biệt, hoặc khi Chính quyền Xô viết đủ mạnh*” có thể sử dụng hai biện pháp là “*phân phối cho nông dân cùng canh tác*” và “*tổ chức mô hình canh tác nông trang*”. *Hai là*, “*toàn bộ đất đai sau khi được chính quyền Xô viết tịch thu và phân phát cho nông dân, nghiêm cấm mua bán*”. *Ba là*, sau khi nhận đất đã được phân chia, tất cả mọi người đều phải lao động ngoại trừ người già, trẻ nhỏ, những người bị bệnh không có khả năng lao động”⁽⁵⁾. “*Luật đất đai*” đã đưa ra những chính sách và biện pháp giải quyết những vấn đề về phân chia đất đai,

khẳng định bằng pháp luật quyền lợi to lớn là nông dân có quyền sử dụng đất đai. Bộ luật này cũng có ý nghĩa lịch sử quan trọng trong việc thúc đẩy cuộc cách mạng ruộng đất phát triển. Bộ Luật quy định tịch thu toàn bộ đất đai cũng có nghĩa là tước đoạt quyền sở hữu đất đai của tầng lớp nông dân nghèo và trung nông. Điều này gây ra tác động tiêu cực đối với hai tầng lớp này trong quá trình phát triển sản xuất và trong cuộc cách mạng của nông dân. Sau này, Mao Trạch Đông cũng chỉ ra: “Luật đất đai” này đã phạm phải một số sai lầm: (1) Đã tịch thu toàn bộ đất đai chứ không phải chỉ là đất đai của địa chủ. (2) Quyền sở hữu đất đai thuộc về chính quyền chứ không phải thuộc về nông dân, nông dân chỉ có quyền sử dụng. (3) Nghiêm cấm mua bán đất đai⁽⁶⁾.

1.2. Giai đoạn chính sách tịch thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ để quốc hữu

Từ tháng 6 đến tháng 7-1928, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 ĐCS Trung Quốc tiến hành thảo luận tương đối sâu về vấn đề đất đai. Sau khi tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm về việc nông dân tiến hành các cuộc cách mạng đất đai dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc kể từ sau cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất đặc biệt là từ sau “*Hội nghị tám bảy*”⁽⁷⁾, Đại hội quyết định đưa ra những chính sách mới liên quan đến vấn đề đất đai nông dân trong tình hình mới, sửa đổi những chính sách về đất đai không thỏa đáng

trước đây. Đại hội đã thông qua “*Nghị quyết chính trị*”, “*Quyết nghị về vấn đề đất đai*”, “*Quyết nghị về vấn đề nông dân*”... “*Quyết nghị về vấn đề đất đai*” chỉ ra: “Cuộc đấu tranh của nông dân Trung Quốc là cuộc đấu tranh chống lại những ràng buộc phong kiến; mục đích chủ yếu của cuộc đấu tranh là lật đổ sự áp bức và thống trị phong kiến”⁽⁸⁾. Do đó trong “*Nghị quyết chính trị*” của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 6 ĐCS Trung Quốc đã sửa đổi chính sách “*tịch thu toàn bộ ruộng đất*” thành chính sách “*tịch thu toàn bộ ruộng đất của giai cấp địa chủ*”⁽⁹⁾. Việc sửa đổi trong chính sách đất đai lần này chính là một thay đổi mang tính nguyên tắc. Nó phê phán cách làm không đến đâu đến đâu trước đây nhất là sau Hội nghị tám bảy là chỉ thu ruộng đất của địa chủ lớn và vừa mà không tịch thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ. Nó cũng phản đối cách làm “tả khuynh” của Bộ Chính trị trung ương lâm thời tháng 11 – 1927 là chỉ tịch thu ruộng đất của giai cấp địa chủ mà không tịch thu ruộng đất tư hữu của nông dân. Tất cả những điều này ảnh hưởng tích cực đến việc mở rộng phong trào cách mạng đất đai trong căn cứ địa. Những chính sách về đất đai mà Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 6 ĐCS Trung Quốc thông qua cũng tồn tại một số thiếu sót như không có chính sách nào để thay đổi quyền sở hữu nhà nước về đất đai. Nói cách khác là không có chính sách quốc hữu đất đai nào. Do Đại hội

Đại biểu toàn quốc lần thứ 6 ĐCS Trung Quốc chưa giải quyết triệt để vấn đề quyền sở hữu đất đai của nông dân, do đó, từ Đại hội 6 đến cuối năm 1930, các căn cứ địa vẫn chỉ thực hiện chính sách quốc hữu đất đai. Chính sách này chủ yếu có 3 đặc điểm: *Thứ nhất*, đất đai thuộc sở hữu của chính quyền Xô viết, nông dân chỉ có quyền sử dụng. “*Luật đất đai hưng quốc*” tháng 4-1929 quy định: “tịch thu toàn bộ đất đai công cộng và đất đai của địa chủ giao cho chính quyền do công nông binh đại diện để chấn hưng đất nước và phân phát cho nông dân không có đất đai hoặc có ít đất đai cày cấy”⁽¹⁰⁾. *Thứ hai*, nghiêm cấm mua bán và cho thuê đất đai. “*Luật đất đai tạm thời*” tháng 5-1930 quy định: “nghiêm cấm mua bán, cho thuê, thế chấp... toàn bộ đất đai”, “xóa bỏ chế độ mua bán, cho thuê và thế chấp chính là nhằm ngăn chặn sự ra đời của tiểu quý tộc địa chủ mới”⁽¹¹⁾. *Thứ ba*, nếu có người chết hoặc có người đi ra ngoài làm ăn, đất đai sẽ được giao lại cho chính quyền, nếu có người được sinh ra hoặc từ nơi khác đến sẽ được chính quyền cấp đất làm ăn. “*Luật đất đai chính quyền Xô viết*” do Ủy ban Quân sự cách mạng Trung Quốc ban hành năm 1930 quy định: “Nếu có người trong thị trấn chết, thay đổi ngành nghề hay đi ra ngoài thì toàn bộ đất đai của họ sẽ giao cho chính quyền Xô viết tái phân bổ. Còn người ở ngoài vùng đến hoặc có người mới được sinh ra chính quyền Xô viết sẽ căn cứ

vào tình hình để tiến hành cấp đất”⁽¹²⁾. Cùng với việc mở rộng phong trào cách mạng đất đai ở các căn cứ địa, chính sách quốc hữu đất đai càng ngày càng bị lạm dụng trong các căn cứ địa. Nó khiến cho người nông dân cảm thấy đất đai không phải là của họ, họ không có quyền tham gia vào việc phân chia đất đai, do đó, họ không còn hào hứng với việc đồng áng, cũng không nghĩ đến việc tăng cường đầu tư vào đất đai, hay cơ bản xây dựng đất nông nghiệp. Khi nói đến chính sách đất đai chỉ thuộc về chính quyền chứ không thuộc về nông dân, người nông dân chỉ có quyền sử dụng lúc đó, Mao Trạch Đông cũng nhấn mạnh “đó là một sai lầm cơ bản”⁽¹³⁾.

1.3. Giai đoạn chính sách tịch thu toàn bộ ruộng đất của địa chủ giao cho nông dân

Do chính sách quốc hữu đất đai không được phần lớn nông dân ở căn cứ địa lúc đó tiếp nhận nên ĐCS Trung Quốc đã thay đổi chính sách từ quốc hữu đất đai thành nông hữu đất đai – đất đai thuộc sở hữu của người nông dân. Sự thay đổi lần này đi theo 3 bước:

Đầu tiên, cho phép cho thuê đất đai. Từ khi thực hiện chính sách quốc hữu đất đai, đất đai luôn bị nghiêm cấm cho thuê dưới mọi hình thức. Chính sách này không phù hợp với lợi ích của phần lớn nông dân và thực tế xây dựng căn cứ địa. *Một mặt*, có những gia đình thiếu lực lượng lao động ở nông thôn nên có được chia đất cũng không thể canh tác nên có

nhu cầu cho thuê đất để duy trì cuộc sống. Mặt khác, có những gia đình dư thừa lực lượng lao động nên có nhu cầu thuê đất để phát triển sản xuất và tăng thu nhập. Để giải quyết vấn đề này, căn cứ địa phía Tây Nam tỉnh Giang Tây đã đi tiên phong chống lại quy định “*khu vực có chính quyền Xô viết không được cho thuê*”, đưa ra chủ trương “*chế độ thuê đất mới*” cho phép những người không thể cày cấy đem ruộng đất cho phú nông và trung nông canh tác⁽¹⁴⁾. Trong “*Điều lệ thuê đất*” của chính quyền Xô viết phía Tây Phúc Kiến ban hành tháng 12-1930 quy định: “*những người nông dân già cả, ốm đau, bệnh tật, tàn phế không thể tự duy trì được cuộc sống*” và “*những người lính hồng quân và nông dân nghèo (những người không thể cày cấy và không có nông cụ sản xuất) không thể trồng trọt và duy trì được cuộc sống*” đều có thể “*cho thuê đất*”. Điều lệ này còn quy định rõ thời hạn, số lượng cho thuê đất và các biện pháp giao nộp thuế đất⁽¹⁵⁾. Điều này làm thay đổi hoàn toàn chính sách không cho phép cho thuê đất dưới mọi hình thức trước đây. Trên thực tế là bước đầu điều chỉnh chính sách quốc hữu đất đai.

Thứ hai, không ngăn cản việc mua bán đất đai. Cho phép cho thuê đất là bước điều chỉnh hợp lý có lợi cho lực lượng lao động ở nông thôn. Nhưng nếu chỉ dựa vào đây thì cũng không thể giải quyết triệt để vấn đề sức lao động và việc phân phối tài nguyên đất. Trong Báo cáo Hội nghị toàn quốc lần thứ 3

khóa 6 ĐCS Trung Quốc diễn ra tháng 9-1930 đã chỉ ra: “*Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, khi chưa thể xóa bỏ hoàn toàn chế độ tư hữu, không nghiêm cấm việc mua bán và cho thuê đất đai theo luật pháp của chính quyền Xô viết*”. Tháng 11-1930, trong bản “*Kế hoạch công tác trước mắt ở vùng chính quyền Xô viết*” của Bộ Chính trị trung ương ĐCS Trung Quốc đã chỉ ra: “*Hiện tại còn quá sớm khi dùng pháp lệnh của chính quyền hay sử dụng quyết nghị của Đảng để nghiêm cấm việc mua bán và cho thuê đất đai*”. Các căn cứ địa cách mạng lần lượt quán triệt tinh thần của Trung ương Trung Quốc. Đại hội đại biểu giai cấp công nông binh lần thứ hai ở phía Tây Hồ Bắc đã thông qua “*Pháp lệnh cách mạng đất đai*”, quy định “*không nghiêm cấm việc sử dụng đất đai, không ngăn cấm việc mua bán đất đai*”⁽¹⁶⁾. Các căn cứ địa khác đều quán triệt thực hiện chính sách không ngăn cấm việc mua bán ruộng đất từ đầu năm 1931. Đây là một bước tiến lớn so với chính sách cho phép cho thuê ruộng đất. Cho phép nông dân mua bán ruộng đất, trên thực tế chính là công nhận quyền sở hữu đất đai của họ. Nhưng, rốt cục đất đai có thuộc sở hữu của nông dân hay không còn mà một vấn đề.

Cuối cùng, chính thức công nhận quyền sở hữu đất đai của người nông dân. Về sau, các căn cứ địa lần lượt sửa đổi chính sách quốc hữu đất đai, công nhận quyền tư hữu đất đai của người

nông dân Bản. “*Thông cáo về vấn đề đất đai của chính quyền Xô viết tỉnh Giang Tây*” tháng 5-1931 quy định “Những mảnh đất đã được chia tức là thuộc sở hữu của nông dân, người dân hoàn toàn có thể cho thuê hoặc mua bán. Nếu gia đình có người sinh thêm cũng không được cấp thêm đất mà có người mất đi cũng không phải giao nộp đất”. “*Điều lệ tái phân phối đất đai*” mà chính quyền Xô viết phía Tây Phúc Kiến ban hành tháng 6-1931, “*Điều lệ tái phân phối đất đai hoàn toàn bình đẳng của chính quyền Xô viết ở Hồ Nam và Giang Tây*” tháng 10, “*Luật đất đai của Đại hội đại biểu lần thứ nhất chính quyền Xô viết công nông binh tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc và Giang Tây*” tháng 11, “*Điều lệ tạm thời về luật đất đai*” của tỉnh Hồ Nam và Giang Tây ngày 1-8-1932 v.v... đều quy định về quyền tư hữu đất đai của nông dân. Ngày 8-6-1933, Chính phủ Trung ương lâm thời nước Cộng hòa Xô viết Trung Hoa đã ban hành “*Việc thực hiện đăng ký đất đai*” theo pháp lệnh của chính quyền Trung ương, quy định việc đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận đất đai xác nhận quyền sở hữu đất đai của nông dân. “*Sau khi đăng ký, chính quyền Xô viết sẽ cấp Giấy chứng nhận đất đai. Người nông dân sẽ lấy Giấy chứng nhận đất đai để chứng minh quyền sở hữu đất đai của mình, chứng nhận mỗi một centimét đất đều có người sở hữu, không ai được có quyền xâm phạm, Chính phủ không được tịch thu*”. Tháng 1-1936, Văn phòng Tây Bắc chính quyền Xô viết Trung ương trong Hội

nghị thứ 9 đã ra quyết định: Xác định quyền sở hữu đất đai của những nông dân được phân đất, cấp Giấy chứng nhận đất đai, cho phép được cho thuê, mua bán hoặc thuê nhân viên kinh doanh. Như vậy đã chính thức công nhận quyền tư hữu đất đai của nông dân, thực hiện thành công chính sách đất đai của ĐCS Trung Quốc chuyển từ công hữu đất đai sang tư hữu đất đai. Điều này đã bảo đảm sự tồn tại hợp pháp của việc cá thể sử dụng đất nông nghiệp, thỏa mãn nhu cầu tư hữu về đất đai của nông dân, khích lệ tính tích cực trong sản xuất và tích cực tham gia cách mạng đất đai đặc biệt là tham gia giải phóng dân tộc. Về sau, chính sách đất đai thuộc sở hữu của nông dân càng ngày càng ổn định.

2. Cải cách ruộng đất lần 1 (năm 1950 – năm 1953)

Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập năm 1949, dựa trên học thuyết Marx – Lenin, Chủ tịch Mao Trạch Đông muốn đưa Trung Quốc đi theo con đường chủ nghĩa Cộng sản nhằm biến Trung Quốc thành một cường quốc cộng sản trên thế giới và có sức lan tỏa trên toàn cầu. Cải cách ruộng đất lần thứ nhất là một cuộc cách mạng triệt để diễn ra vào đầu thập kỷ 50 của thế kỷ trước nhằm chuyển đất đai từ chế độ sở hữu đất đai phong kiến sang chế độ nông dân sở hữu đất đai, phân phối theo sức lao động trên toàn Trung Quốc. Cuộc cải cách ruộng đất lần thứ nhất này đã thừa hưởng và nhân rộng kết quả của 10 năm cách mạng ruộng đất đã diễn ra trong

tất cả các căn cứ địa cách mạng của Trung Quốc từ tháng 7-1927 đến tháng 7-1937. Cuộc cách mạng này cũng có mục đích kích lệ tính tích cực của nông dân với công cuộc bảo vệ cách mạng, tạo cơ sở quần chúng nhân dân ở mức rộng nhất có thể trong những ngày sau giải phóng dân tộc và thành lập nước Trung Quốc mới.

Trong giai đoạn này, chính sách đất đai quan trọng nhất chính là “*Đại cương luật đất đai Trung Quốc*”⁽¹⁷⁾ năm 1947. Có thể khái quát con đường chính sách này bằng một câu: “Dựa vào giai cấp bản nông; đoàn kết giới trung nông; từng bước, từng bước xóa bỏ chế độ bóc lột phong kiến; phát triển sản xuất nông nghiệp” (“依靠贫雇农, 团结中农, 有步骤、有分别地消灭封建剥削制度, 发展农业生产”)⁽¹⁸⁾. Vào ngày 13-9-1947, Hội nghị đất đai toàn quốc do Ủy ban Công tác ĐCS Trung Quốc tổ chức đã thông qua “*Đại cương luật đất đai Trung Quốc*”. Ngày 10-10-1947 luật này được đưa vào thực thi. “*Đại cương luật đất đai Trung Quốc*” quy định xóa bỏ chế độ đất đai của giai cấp phong kiến bóc lột, thực hiện chế độ dân cày có ruộng. Tịch thu toàn bộ tài sản đất đai của giai cấp địa chủ, trưng thu tài sản đất đai dư thừa của tầng lớp phú nông, xóa bỏ quyền sở hữu một loạt hình thức đất đai như từ đường, đền thờ, tu viện, trường học... từ trước cách mạng đất đai ở nông thôn. Thống nhất việc phân chia đất đai ở hương hoặc thôn cả về số lượng lẫn chất lượng (về số lượng: nhiều hay ít; về chất lượng: tốt hay xấu). Quyền sở hữu

đất đai thuộc về quyền sở hữu nông hộ. Xóa bỏ tất cả các khế ước đất đai, các hợp đồng vay nợ trước cách mạng đất đai. Luật pháp bảo hộ, bất khả xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, thương mại và các loại hình kinh doanh khác. Những đất đai đã được phân phối bình quân trước khi luật này được ban hành, nếu nông dân không yêu cầu thêm thì cũng không cần phân thêm.

Năm 1950, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tiếp tục ban hành “*Luật cải cách đất đai nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*”⁽¹⁹⁾. Luật này ra đời để đúc rút những kinh nghiệm đã làm được trong cuộc cách mạng ruộng đất ở căn cứ địa, dựa vào tình hình đất nước Trung Quốc sau khi thành lập đã chỉ ra mục tiêu cơ bản của cải cách ruộng đất là xóa bỏ hoàn toàn chế độ sở hữu đất đai mang tính phong kiến bóc lột của giai cấp địa chủ, thực hiện chế độ sở hữu đất đai của nông dân, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, phát triển sản xuất ở nông thôn, mở con đường mới tiến hành công nghiệp hóa Trung Quốc. Ngoài việc quy định bất cứ loại đất đai nào cũng thuộc sở hữu của nhà nước, “*Luật cải cách đất đai nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*” còn quy định đất đai của địa chủ đã bị tịch thu, đất công và các loại đất khác sẽ chia cho nông dân dựa theo số nhân khẩu, thực hiện chế độ sở hữu đất đai cá nhân. Do đó, toàn quốc mở rộng triển khai công tác quản lý đất đai như đo đạc, khoanh giới, cắm mốc... Chính quyền nhân dân cấp huyện sẽ tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất

đai cho các chủ đất nông nghiệp tư hữu, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quốc hữu. Sau khi hoàn thành cải cách ruộng đất, chứng nhận quyền lợi cho người sở hữu hợp pháp đất đai trên các lĩnh vực kinh doanh tự do, mua bán và cho thuê đất đai. Xóa bỏ toàn bộ những khế ước đất đai được lập trước cải cách đất đai. Ngoài ra, để có thể thu thuế đất nông nghiệp bình quân đầu người, cả nước tiến hành công tác thanh tra số lượng đất đai, đánh giá và chia đất đai thành các loại khác nhau, kê khai đất đai...

Có thể thấy, chính sách cải cách đất đai đặc biệt là “*Đại cương luật đất đai Trung Quốc*” năm 1947 và “*Luật cải cách đất đai Trung Quốc*” năm 1950 trong cuộc cải cách ruộng đất lần thứ nhất này đã đưa ra phương hướng và phương pháp cải cách đất đai cụ thể: Dựa vào lực lượng, đoàn kết các đối tượng và vì mục đích cách mạng tiến hành cải cách ruộng đất. Đây là một cương lĩnh cách mạng tương đối hoàn thiện và triệt để trong cuộc cải cách đất đai lần này. Từ năm 1950 đến năm 1952, cơ bản hoàn thiện cuộc cải cách ruộng đất lần thứ nhất của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Kết quả là toàn quốc có 300 triệu nông dân không có đất hoặc có ít đất được phân 700 triệu mẫu đất. Người nông dân chính thức trở thành người sở hữu đất đai.

Có một điều đáng chú ý nữa là đất đai ở những vùng ngoại ô ở các thành phố lớn lại khác ở nông thôn. Do đó, để phù

hợp với tình hình đặc biệt phát triển sản xuất nông nghiệp ở vùng ngoại ô thành phố và đáp ứng nhu cầu phát triển công thương nghiệp và xây dựng các thành phố lớn, ngày 10-2-1950, Trung Quốc ban hành “*Điều lệ cải cách đất đai ngoại ô thành phố*”⁽²⁰⁾. Vậy “*Điều lệ cải cách đất đai ngoại ô thành phố*” và “*Luật cải cách đất đai Trung Quốc*” khác nhau như thế nào? Điểm khác nhau là: Đất nông nghiệp tịch thu và trưng thu ở ngoại ô thành phố sẽ thuộc sở hữu nhà nước, do chính quyền nhân dân thành phố quản lý. Phần đất nông nghiệp khác cũng thuộc ngoại ô nhưng dùng để phân chia cho dân thì sẽ do Hội nông dân huyện dựa vào “*Luật cải cách đất đai*” phân chia một cách công bằng và hợp lý cho những nông dân không có đất hoặc có ít đất cày cấy. Những người sử dụng đất quốc hữu ở vùng ngoại ô này đều phải nộp thuế nông nghiệp cho Nhà nước, không phải nộp địa tô. Người kinh doanh buôn bán tuyệt đối không được cho thuê hoặc mua bán đất quốc hữu. Những người này nếu không cần đất thì phải giao nộp cho Nhà nước. Những mảnh đất quốc hữu nhà nước cần thu hồi của người nông dân để xây dựng thì phải bồi thường thỏa đáng và hợp lý cho nông dân. Khi Nhà nước tiến hành trưng dụng đất nông nghiệp thuộc sở hữu tư nhân ở vùng ngoại ô thành phố, Nhà nước cần trả giá thỏa đáng hoặc trao đổi đất quốc hữu tương đương. Nhà nước tiến hành cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất quốc hữu cho những người nông dân

sử dụng đất của Nhà nước, cấp Giấy chứng nhận sở hữu đất cho chủ đất nông nghiệp tư hữu.

Tóm lại, sau gần 30 năm (kể từ khi ĐCS Trung Quốc thành lập năm 1921 đến năm 1950), Trung Quốc đã hoàn thành quá trình chuyển đổi chế độ sở hữu đất đai phong kiến sang chế độ sở hữu đất đai nông dân. Nếu chế độ đất đai phong kiến là chế độ tư hữu đất đai hay còn là một công cụ bóc lột phong kiến. Chỉ có giai cấp thống trị phong kiến mới có quyền sử dụng đất, còn người nông dân trong chế độ phong kiến phải lao động trên đất đai của giai cấp thống trị phong kiến, phải nộp địa tô. Còn chế độ đất đai mới là chế độ đất đai chuyển sang công hữu, nông dân có quyền sử dụng đất đai, có thể nộp Nhà nước một khoản thuế nhất định, nhưng hoàn toàn không có sự bóc lột.

3. Cải cách ruộng đất lần 2 (từ năm 1953 đến năm 1978)

Trong giai đoạn này, cũng như những nước XHCN khác, Trung Quốc đã áp dụng chính sách đất nông nghiệp theo mô hình của Liên Xô rất phổ biến vào thời kỳ đó, với 2 đặc trưng là sở hữu tập thể và hành động tập thể thống nhất. Để đạt được mục tiêu này, Trung Quốc đã tiến hành cải cách ruộng đất lần thứ 2 vào giữa thập kỷ 50 kéo dài đến năm 1978. Trong quá trình này, những hộ nông dân cá thể bị buộc phải gia nhập vào các hợp tác xã. Cuối cùng, tiến trình tập thể hóa này đã tạo ra một tổ chức,

với tên gọi *công xã*. Với quyền sở hữu tài sản được kiểm soát tập trung và nguyên tắc phân chia theo kiểu bình quân chủ nghĩa, sự ra đời của các công xã đã thủ tiêu quyền tự do canh tác của nông dân và động lực sản xuất của họ. Cuộc cải cách ruộng đất lần thứ 2 này chia ra làm 2 giai đoạn:

- *Từ năm 1953 – 1956*: Cải cách ruộng đất giai đoạn đầu nhằm cải tạo đất nông nghiệp XHCN, chuyển từ chế độ nông dân sở hữu đất đai sang hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sơ cấp, phân phối theo chế độ bình quân.

- *Từ năm 1956 – 1978*: Cải cách ruộng đất giai đoạn thứ 2 nhằm thực hiện chế độ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cao cấp, phân phối theo chế độ bình quân.

3.1. Từ năm 1953 đến năm 1956:

Từ năm 1953 đến năm 1957, Trung Quốc tiến hành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất trong công cuộc phát triển kinh tế quốc dân. Sau khi cuộc cải cách đất đai lần thứ nhất thành công, xóa bỏ hoàn toàn chế độ bóc lột phong kiến, kết thúc tính chất bán phong kiến trong xã hội Trung Quốc, giải quyết được những vấn đề lớn còn tồn đọng trong thời kỳ cách mạng dân chủ, mối quan hệ đất đai lại có những thay đổi căn bản. Sau khi cuộc cải cách ruộng đất lần thứ nhất kết thúc, nông dân trở thành chủ sở hữu và cũng là người canh tác trên các mảnh đất nhỏ được chia. Nhưng nền kinh tế nông thôn lúc đó, về cơ bản, vẫn là nền kinh tế cá thể được phân chia trên các mảnh đất

nhỏ, quy mô sản xuất nhỏ, công cụ sản xuất giản đơn, nông dân thiếu khả năng mở rộng sản xuất. Nền kinh tế nông thôn sau cuộc cải cách ruộng đất lần thứ nhất này phải trải qua một giai đoạn phục hồi sau chiến tranh nên càng gặp nhiều khó khăn. *Thứ nhất*, sự phân cấp lương thực trong nội bộ nông thôn. *Hai là*, thách thức của quá trình công nghiệp hóa XHCN với nông nghiệp. Dựa theo chủ nghĩa Mác – Lênin, ĐCS Trung Quốc không thể xóa bỏ nền kinh tế cá thể nông dân mà phải hướng dẫn họ tự nguyện hợp tác phát triển cùng có lợi trên cơ sở nền kinh tế trong nước sau giải phóng. Trước khi cuộc cải cách ruộng đất lần thứ nhất kết thúc, ĐCS Trung Quốc đã bắt đầu xem xét đến việc hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất nông nghiệp. Ngày 9-9-1951, ĐCS Trung Quốc thông qua “*Nghị quyết hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp*” (*dự thảo*)⁽²¹⁾. Nghị quyết nêu rõ: Dựa vào điều kiện kinh tế Trung Quốc, nền kinh tế cá thể nông dân sẽ còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài. Nhất thiết phải bảo vệ quyền sở hữu đất đai mà nông dân đã giành được ở những vùng đất đã thực hiện cải cách ruộng đất. Cần phát huy tính tích cực trong hỗ trợ lao động ở nông dân dựa trên nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Do đó, trước mắt cần phát huy phong trào hợp tác xã ở nông thôn; xây dựng lao động tập thể trên cơ sở kinh tế cá thể (hay còn là trên cơ sở tài sản tư hữu nông dân). Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện sản xuất, từng bước

thực hiện phương châm này. Trung Quốc dựa trên nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi, tiến hành thí điểm và có sự giúp đỡ của Nhà nước, quá trình hợp tác hóa nông nghiệp của Trung Quốc trải qua 3 giai đoạn: Tổ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sơ cấp và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cao cấp. *Giai đoạn thứ nhất*, xây dựng Tổ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (*Mutual Aid teams*) tức là tiến hành hỗ trợ lao động trên cơ sở tư hữu về đất đai và tư liệu sản xuất khác. Tổ hỗ trợ sản xuất tồn tại dưới 2 hình thức: *Một là*, tổ hỗ trợ tạm thời cùng nhau làm lao động giản đơn. *Hai là*, tổ hỗ trợ thường niên một chút tài sản công trên cơ sở cùng lao động. Bình thường sẽ là từ 10 đến 20 hộ nông dân làm 1 tổ. Đất đai, các tư liệu sản xuất khác và sản phẩm của tổ viên sẽ là những tài sản tư hữu cá thể của nông dân. Các gia đình nông dân tự làm kinh doanh, tự phân chia lao động hoặc một bộ phận lao động tập trung. Hỗ trợ lao động là đặc điểm chủ yếu của Tổ hỗ trợ sản xuất.

Tháng 12-1953, Trung ương ĐCS Trung Quốc ban hành “*Quyết nghị phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp*”⁽²²⁾. Từ năm 1954 đến năm 1956, toàn Trung Quốc bước vào *giai đoạn 2*, giai đoạn tăng cường phát triển hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sơ cấp (*Elementary Agricultural Cooperatives*) mang tính chất nửa XHCN (với đặc điểm cổ phần đất đai, thống nhất kinh doanh). Mỗi hợp tác xã nông nghiệp sơ cấp sẽ gồm từ

20 đến 40 hộ gia đình tham gia. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sơ cấp cũng còn gọi là hợp tác xã đất đai. Đặc điểm nổi bật của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sơ cấp là tiến hành cổ phần đất đai và các tư liệu sản xuất khác, tập trung lao động, thống nhất kinh doanh. Điều đó có nghĩa, trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp sơ cấp này, đất đai đương nhiên là tài sản tư hữu của nông dân nhưng quy vào các hợp tác xã để thống nhất sử dụng. Phân phối dựa theo lao động và đất đai, người nông dân gia nhập hợp tác xã sẽ có quyền sở hữu đất đai dựa theo cổ tức đất đai. Nhưng quyền sử dụng đất đai vẫn bị chi phối bởi tập thể hợp tác xã, do tập thể thống nhất sử dụng đất.

3.2. Từ năm 1956 đến năm 1978

Bắt đầu từ năm 1956, Trung Quốc bước vào *giai đoạn 3*, giai đoạn tiến hành xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cao cấp (*Higher Co-operatives*). Mỗi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cao cấp sẽ gồm từ 100 đến 300 gia đình tham gia. Điều đó có nghĩa là, trên cơ sở sở hữu tập thể tư liệu sản xuất như đất đai, Trung Quốc thực hiện thống nhất kinh doanh, tập trung lao động và thống nhất phân chia lợi nhuận theo bình quân lao động. Ngày 30-6-1956, Hội nghị lần thứ 3 Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khóa I của Trung Quốc thông qua “*Chương trình thí điểm hợp tác xã nông nghiệp cao cấp*”⁽²³⁾. Chương trình quy định: Đất đai tư hữu của nông dân

gia nhập hợp tác xã, hệ thống nước tưới tiêu như ao, giếng... trên đất đó đều phải chuyển thành sở hữu tập thể trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Còn các nghĩa trang và nhà ở thì không phải nhập vào hợp tác xã. Đối với những trang trại canh tác, những nông cụ lớn... hợp tác xã sẽ mua lại và chuyển vào sở hữu tập thể. Điều đó đồng nghĩa với quyền sở hữu đất đai và quyền sử dụng đất đai là một trong chế độ sở hữu tập thể. Mọi người đều tập trung lao động và phân phối lợi tức dựa theo bình quân lao động. Tính đến cuối năm 1956, ngoài những hộ gia đình ở vùng thâm sơn cùng cốc và một số khu vực dân tộc thiểu số, phần lớn toàn Trung Quốc đều tiến hành hợp tác hóa. Lúc này, Trung Quốc có hơn 756.000 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, với 118 triệu hộ gia đình tham gia hợp tác xã, chiếm 96,3% tổng số hộ nông nghiệp trên toàn quốc. Trong đó, có 540.000 hợp tác xã cao cấp với 107,42 triệu hộ gia đình làm nông nghiệp, chiếm 87,8% tổng số hộ nông nghiệp trên toàn quốc. Kế hoạch xây dựng chế độ sở hữu đất đai tập thể ở nông thôn của Trung Quốc dự định làm trong 18 năm thì đã được hoàn thành trong 7 năm (sớm trước dự kiến 11 năm). Chủ yếu bằng việc vận động người dân tham gia hợp tác xã, Trung Quốc đã xây dựng thành công chế độ sở hữu đất đai tập thể.

Từ năm 1958 đến năm 1963, Trung Quốc tiến hành Kế hoạch 5 năm lần thứ 2 với tên gọi Đại nhảy vọt. Ý tưởng trọng tâm đằng sau Đại nhảy vọt này là phát

triển nhanh và song song hai ngành công nghiệp và nông nghiệp Trung Quốc. Trung Quốc dự định tiến hành công nghiệp hóa bằng cách lợi dụng nguồn cung ứng lao động rẻ, khổng lồ và tránh phải nhập khẩu các máy móc nặng. Để đạt được điều này, Mao Trạch Đông chủ trương xây dựng tập thể hóa sâu rộng theo mô hình “Thời kỳ thứ 3” của Liên Xô. Điều đó có nghĩa là các hợp tác xã ở nông thôn Trung Quốc lúc bấy giờ sẽ sáp nhập thành các Công xã nhân dân (*People’s Communes*) khổng lồ. Tháng 4-1958, một công xã thí điểm được thiết lập tại núi Tra Nha (Chayashan) trong tỉnh Hà Nam. Tại đây lần đầu tiên, đất tư hữu bị xóa bỏ hoàn toàn và các nhà bếp công xã được giới thiệu. Tháng 8-1958, Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc quyết định những công xã nhân dân này sẽ trở thành hình thức tổ chức chính trị và kinh tế mới khắp vùng nông thôn. Sau khi thực hiện công xã hóa, không những đất đai của người dân ở nông thôn mà cả tư liệu sản xuất của xã viên cũng thuộc vào sở hữu công xã, xóa bỏ hoàn toàn chế độ tư hữu. Điều đáng ngạc nhiên là, chỉ từ tháng 8 đến tháng 12 năm 1958, Trung Quốc có khoảng 25.000 công xã đã được lập lên, mỗi công xã có trung bình 5.000 hộ gia đình. Ở các công xã, tiền lương và tiền thưởng được ấn định bằng công điểm (*Work Points*).

Ta có thể thấy, ở một mức nào đó, hợp tác xã nông nghiệp cũng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, thỏa mãn nhu cầu nông sản phẩm của người dân ở

thành thị và nông thôn. Nhưng, do tốc độ thực hiện quá nhanh, thời gian chuyển đổi từ giai đoạn nọ sang giai đoạn kia quá ngắn, không kịp tổng kết và rút ra bài học kinh nghiệm giữa các giai đoạn. Đặc biệt là khi phổ cập hình thức tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cao cấp, Trung Quốc coi nhẹ đặc trưng tình hình đất nước lúc bấy giờ là sức sản xuất ở nông thôn Trung Quốc còn quá lạc hậu và phát triển không đồng đều, cũng không để ý đến trình độ phát triển kinh tế ở nông thôn, trình độ giác ngộ tư tưởng và văn hóa của nông dân, tâm lý của người dân và trình độ quản lý tập thể chưa tốt nên không những chưa phát huy được tính ưu việt của chế độ sở hữu tập thể mà còn hạn chế tính chủ động và tích cực của quần chúng nhân dân.

Năm 1957, vào lúc hoàn thành kế hoạch kinh tế 5 năm lần thứ nhất, Mao Trạch Đông bắt đầu nghi ngờ về con đường tiến lên CNXH mà Liên Xô đi không còn thích hợp với Trung Quốc và Trung Quốc phải tự chọn con đường riêng của mình. Tiếp theo đó, Đại nhảy vọt được xem như một đại thảm họa kinh tế, thực tế đúng là một Đại nhảy lùi (*Great Leap Backward*) và còn ảnh hưởng đến Trung Quốc nhiều năm sau này. Tiếp theo đó là đại cách mạng Văn hóa bắt đầu từ năm 1966, kéo dài trong 10 năm. Đây chính là 10 năm đấu tranh giai cấp mạnh mẽ, đất đai trở thành tài sản hay nguồn tài nguyên rơi vào tình trạng “Ba không”: không hoàn lại (không

được trả giá), không thời hạn, không lưu động. Việc quản lý đất đai, về cơ bản, cũng rơi vào tình trạng “ngủ đông”. Cứ như vậy cho đến khi Hội nghị toàn quốc ĐCS Trung Quốc khóa 3 lần thứ XI thành công.

CHÚ THÍCH:

(1) *Tuyển tập Điều tra nông thôn của Mao Trạch Đông*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 1982, tr.37

(2) Mạng Tin tức ĐCS Trung Quốc: <http://dangshi.people.com.cn/GB/151935/176588/176591/10555414.html>

(3) Thời kỳ chiến tranh cách mạng lần thứ 2 ở Trung Quốc đã gọi tổ chức chính quyền công nông dân lúc đó là Chính quyền Xô Viết

(4) *Tuyển tập tư liệu lịch sử về những cuộc đấu tranh đất đai thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất và thứ hai*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 1981, tr221

(5) *Tuyển tập văn bản pháp lý ở căn cứ địa thời kỳ cách mạng dân chủ mới của Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 1984, tr2

(6) *Tuyển tập Điều tra nông thôn của Mao Trạch Đông*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 1982, tr281

(7) “Hội nghị tám bẩy” là tên gọi của Hội nghị khẩn của Bộ Chính trị Trung ương ĐCS Trung Quốc tổ chức ở Hán Khẩu ngày 7-8-1927, ngay sau cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất thất bại và đây cũng là thời khắc quan trọng quyết định vận mệnh của Đảng và vận mệnh cách mạng.

(8) Mạng Dữ liệu Đại hội đại biểu toàn quốc ĐCS Trung Quốc các nhiệm kỳ: <http://epc.people.com.cn/GB/64162/64168/64558/4527097.html>

(9) *Tư liệu tham khảo lịch sử hiện đại Trung Quốc*, Nxb Cao đẳng Giáo dục, Bắc Kinh, 1988, tr83.

(10) *Tuyển tập văn bản pháp lý ở căn cứ địa thời kỳ cách mạng dân chủ mới của Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 1984, tr4

(11) *Tuyển tập văn bản pháp lý ở căn cứ địa thời kỳ cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới của Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 1984, tr8

(12) *Tuyển tập văn bản pháp lý ở căn cứ địa thời kỳ cách mạng dân chủ mới của Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 1984, tr11

(13) *Tuyển tập Điều tra nông thôn của Mao Trạch Đông*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 1982, tr281

(14) *Tuyển tập Điều tra nông thôn của Mao Trạch Đông*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 1982, tr282

(15) *Tuyển tập văn bản pháp lý ở căn cứ địa thời kỳ cách mạng chủ nghĩa dân chủ mới của Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 1984, tr98

(16) *Tuyển tập văn bản pháp lý ở căn cứ địa thời kỳ cách mạng dân chủ mới của Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh, 1984, tr118

(17) <http://baike.baidu.com/view/393232.htm>

(18) <http://edu.qq.com/a/20100105/000146.htm>

(19) Mạng Tin tức Tân Hoa, Trung Quốc: http://news.xinhuanet.com/ziliao/2004-12/14/content_2331893.htm

(20) http://news.xinhuanet.com/ziliao/2004-12/13/content_2328565.htm

(21) Mạng Tin tức Tân Hoa xã: http://news.xinhuanet.com/ziliao/2004-12/15/content_2337342.htm

(22) Mạng Tin tức Tân Hoa xã: http://news.xinhuanet.com/ziliao/2004-12/22/content_2367658.htm

(23) Mạng Tin tức Tân Hoa xã: http://news.xinhuanet.com/ziliao/2004-12/30/content_2393677.htm

